

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI**

Số: 1213/2016/UBTVQH13

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT
BAN HÀNH QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HỘI THẨM**

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 62/2014/QH13;

Xét đề nghị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Tờ trình số 32/TTr-MTTQ-BTT ngày 30 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 2.

1. Tòa án Nhân dân Tối cao, Bộ Quốc phòng, Hội đồng Nhân dân, Tòa án nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực; Đoàn Hội thẩm; cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Kim Ngân

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN HỘI THẨM**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIII)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm (gồm Đoàn Hội thẩm nhân dân và Đoàn Hội thẩm quân nhân); mối quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm với Hội thẩm; mối quan hệ giữa Đoàn Hội thẩm với cơ quan, tổ chức, cá nhân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân đối với Đoàn Hội thẩm; các điều kiện bảo đảm hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Đoàn Hội thẩm nhân dân, Đoàn Hội thẩm quân nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Đoàn Hội thẩm là hình thức tổ chức tự quản của các Hội thẩm, hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch; được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh), huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp huyện), quân khu và tương đương (sau đây gọi là cấp quân khu), khu vực nơi có Tòa án quân sự khu vực.

2. Hội thẩm được bầu hoặc cử để thực hiện nhiệm vụ xét xử ở Tòa án nào thì tham gia sinh hoạt tại Đoàn Hội thẩm nơi có Tòa án đó.

Chương II ĐOÀN HỘI THẨM NHÂN DÂN

Điều 4. Tổ chức Đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Đoàn Hội thẩm nhân dân bao gồm các Hội thẩm nhân dân được bầu để thực hiện nhiệm vụ xét xử tại mỗi Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Số lượng thành viên của mỗi Đoàn Hội thẩm nhân dân được xác định căn cứ vào số lượng Thẩm phán tại mỗi Tòa án như sau:

Tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh: cứ 02 Thẩm phán thì có 03 Hội thẩm, nhưng tổng số Hội thẩm tại một Tòa án nhân dân cấp tỉnh không dưới 20 người và tối đa không quá 100 người;

Tại Tòa án nhân dân cấp huyện: cứ 01 Thẩm phán thì có 02 Hội thẩm, nhưng tổng số Hội thẩm tại một Tòa án nhân dân cấp huyện không dưới 15 người và tối đa không quá 50 người, trừ trường hợp đặc biệt có thể có dưới 15 người.

3. Đoàn Hội thẩm nhân dân có Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các Hội thẩm nhân dân là thành viên. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được bầu trong số Hội thẩm nhân dân.

4. Số lượng Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được xác định như sau:

Đoàn Hội thẩm nhân dân dưới 25 Hội thẩm có 01 Phó Trưởng đoàn; từ 25 Hội thẩm trở lên có không quá 02 Phó Trưởng đoàn.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền của Đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Tổ chức để các Hội thẩm trao đổi kinh nghiệm xét xử, góp phần nâng cao trình độ nghiệp vụ, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người Hội thẩm nhân dân.

2. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội thẩm.

3. Tham gia ý kiến với Tòa án nhân dân cùng cấp về hoạt động của Hội thẩm khi có yêu cầu.

4. Thảo luận, tham gia ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng, kỷ luật Hội thẩm.

5. Phối hợp với Tòa án nhân dân cùng cấp trong việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm.

6. Tham gia ý kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật khi có yêu cầu.

7. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi Hội thẩm công tác hoặc làm việc tạo điều kiện để Hội thẩm thực hiện nhiệm vụ xét xử.

8. Đề xuất dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đoàn Hội thẩm gửi Tòa án nhân dân cùng cấp tổng hợp, lập dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Được cung cấp thông tin về tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương; các văn bản, tài liệu liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm khi có yêu cầu.

10. Tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc khi cần thiết và gửi báo cáo đến Hội đồng Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp.

Điều 6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và nhiệm kỳ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Hội thẩm nhân dân có uy tín, kinh nghiệm làm công tác xét xử và điều kiện về thời gian làm việc thì có thể được bầu làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

2. Thủ tục bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân:

a) Sau khi bầu Hội thẩm nhiệm kỳ mới, Thường trực Hội đồng Nhân dân chủ trì, phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội nghị toàn thể Hội thẩm để bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân;

b) Việc bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân do hội nghị toàn thể Hội thẩm nhân dân quyết định, thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Người được bầu làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân là người được biểu quyết tán thành hoặc đạt được số phiếu bầu cao nhất cho mỗi chức danh và phải được trên 50% tổng số Hội thẩm nhân dân tín nhiệm, tán thành;

c) Thường trực Hội đồng Nhân dân cùng cấp công nhận kết quả bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

3. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân đương nhiên được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm khi được miễn nhiệm, bị bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân có thể được miễn nhiệm vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác; có thể bị bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được thực hiện như sau:

Khi Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn có đơn xin miễn nhiệm hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên Đoàn Hội thẩm nhân dân hoặc Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề nghị bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân, Thường trực Hội đồng Nhân dân phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp triệu tập phiên họp toàn thể Hội thẩm nhân dân để xem xét việc miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân do hội nghị toàn thể Hội thẩm nhân dân quyết định, thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân được miễn nhiệm hoặc bị bãi nhiệm khi có trên 50% tổng số Hội thẩm nhân dân nhất trí tán thành.

Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp công nhận kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân.

5. Nhiệm kỳ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân theo nhiệm kỳ của Hội thẩm nhân dân.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền của Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân

1. Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân có trách nhiệm và quyền sau đây:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm của Đoàn Hội thẩm nhân dân;

b) Giữ mối liên hệ và đại diện cho Đoàn Hội thẩm nhân dân trong quan hệ với Thường trực Hội đồng Nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân cùng cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

c) Trao đổi ý kiến với Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp về việc phân công Hội thẩm nhân dân tham gia hoạt động xét xử, bảo đảm phù hợp với yêu cầu xét xử vụ án theo yêu cầu của Chánh án Tòa án nhân dân;

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác của Đoàn Hội thẩm nhân dân;

đ) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Hội thẩm nhân dân về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Hội thẩm và đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2. Phó Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân giúp Trưởng đoàn thực hiện các công việc theo sự phân công của Trưởng đoàn. Khi Trưởng đoàn vắng mặt thì ủy nhiệm cho một Phó Trưởng đoàn thực hiện công việc của Trưởng đoàn.

Điều 8. Trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân

1. Thực hiện các hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân theo sự phân công của Trưởng đoàn. Thông báo kết quả việc thực hiện cho Trưởng đoàn biết. Giữ mối liên hệ thường xuyên với Đoàn Hội thẩm nhân dân thông qua Trưởng đoàn.

2. Kịp thời thông báo cho Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp, Trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.